

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 14/2019/DS-PT

Ngày 18-02-2019

V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tất N;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức N1;

Bà Trần Thị Thu H.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc C - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội: Ông Lê Đỗ Q
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2018 về tranh chấp thừa kế tài sản.

Do Bản án sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 12-9-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1065 /2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Bá H (Trần Văn H) sinh năm 1937, trú tại nhà số 18, phố Gốc Mít, phường Vị Xuyên, thành phố N, tỉnh N, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị L sinh năm 1955; trú tại thôn Nãi Văn, xã Vũ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh H, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh H

Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Thanh B - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tham gia tố tụng theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, ông B vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- Các bà Trần Thị D, Trần Thị K (em ông H) và Vũ Thị H (vợ ông H);

- Các con của bà Trần Thị L gồm: Trần Thị N, Trần Thị H, Trần Bá Q, Trần Thị T và Trần Thị M.

4. Người kháng cáo: ông Trần Bá H - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn, ông Trần Bá H trình bày

Bố mẹ ông là cụ Trần Bá Đ (mất năm 1951) và cụ Trần Thị N (mất năm 1987), sinh được 04 người con gồm ông Trần Bá H, bà Trần Thị D, bà Trần Thị K và ông Trần Bá Q (ông Q chết năm 2004). Ông Trần Bá Q có vợ là bà Trần Thị L và 5 người con là Trần Thị H, Trần Thị M, Trần Thị T, Trần Thị N, Trần Bá Q. Khi mất, cụ N, cụ Đ, ông Q không để lại di chúc. Di sản của bố mẹ ông để lại là toàn bộ thửa đất hiện nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Trần Bá Q. Theo ông, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q là không đúng quy định của pháp luật vì thực tế đây là tài sản của bố mẹ ông để lại. Ngoài ra, năm 1959, vợ chồng ông có làm ba gian nhà gỗ lim cho mẹ và các em ở. Nhưng vào khoảng năm 1990, vợ chồng ông Q đã phá ngôi nhà gỗ lim để xây ngôi nhà mái bằng như hiện nay. Do vậy, ông khởi kiện đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật toàn bộ di sản thừa kế của bố, mẹ ông bao gồm đất, cây cối trên đất tại thôn Nãi Văn, xã Vũ Bản, huyện Bình Lục; buộc vợ chồng ông Q, bà L hoàn trả cho ông 03 gian nhà gỗ lim, một số tài sản như giường, chiếu..., tổng trị giá 262.000.000 đồng và yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Trần Bá Q, ông đề nghị được hưởng 49m² đất trước cửa nhà bà L để ông xây nhà thờ, trên phần đất được chia nếu có cây cối, tài sản thì người được chia sẽ được hưởng, không ai phải thanh toán cho ai. Ông không đề nghị chia đất của nhà thờ họ và tài sản trên đất của nhà thờ họ vì diện tích đất nhà thờ họ không liên quan gì đến phần đất của bố mẹ ông để lại.

- Bị đơn, bà Trần Thị L trình bày

Về thời gian cụ Đ, cụ N mất và hoàn cảnh gia đình nhất trí với ý kiến của ông H là cụ Đ, cụ N sinh được 04 người con là ông H, bà D, bà K, ông Q. Năm 1975, bà L lấy ông Q, từ đó vợ chồng sinh sống ổn định trên thửa đất của bố, mẹ. Khi cụ N còn sống cụ đã nói cho vợ chồng bà toàn bộ diện tích đất, việc cụ N cho vợ chồng bà đất chỉ là nói bằng miệng và có bà D, bà K biết. Quá trình ở, gia đình bà luôn đóng đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất, năm 1986, thửa đất trên đã mang tên chồng bà là Trần Bá Quang, đến năm 1988, gia đình bà được cấp giấy chứng nhận tạm thời quyền sử dụng đất, năm 1998, Ủy ban nhân dân huyện Bình Lục đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Trần Bá Q. Do vậy, bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông H vì nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà đúng quy định; bản thân ông H đã đi thoát ly từ nhỏ, không chăm sóc đến cụ N lúc ốm đau, khi cụ Nuôi còn sống chỉ có vợ chồng bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ông H không có quyền yêu cầu chia thừa kế và đề

ngiht hũy giấũ chứng nhận quyeñ sử dụng đấđ đầ cấph cho gia đĩnh bà.

Đoĩ với 03 gian nhầ gổ lim mà ông H khai, bà xác đĩnh là khõng có, thực tẽ chỉ có ngõi nhầ tranh vấch đấđ. Năm 1991, do ngõi nhầ mõi mọt, xuõng cấph và dõt nấđ nẽn vợ chồng bà đầ dõ bỏ đẽ xấ dựng ngõi nhầ nhũ hiệñ nay. Quấ trĩnh vợ chồng bà làm nhầ, ông H và các con có về làm giúp nhũng khõng có ý kiếñ gì. Do vậy bà khõng chấph nhậñ toàñ bộ yếu cầũ khởi kiệñ của ông H.

Về công sức duy tu tài sảñ và chấm sỏc cụ N; bà L đề nghị giải quyet theo pháp luật.

- *Người có quyeñ lợi, nghĩa vụ liẽn quan trĩnh bày*

- Ủy ban nhầñ dân huyệñ Bĩnh Lực có quan điểm: Việç cấph giấũ chứng nhậñ quyeñ sử dụng đấđ cho hộ ông Trầñ Bắ Q đầ đũng quy trĩnh, đấmbỏ đũng quy đĩnh của pháp luật nẽn khõng đũ cơ sỏ đẽ hũy giấũ chứng nhậñ quyeñ sử dụng đấđ theo yếu cầũ khởi kiệñ của ông Trầñ Bắ H.

- Bà Trầñ Thĩ Dung trĩnh bày: Bỏ mẹ bà là cụ Trầñ Thĩ N (mấđ năm 1987) và cụ Trầñ Bắ Đ (đầ mấđ năm 1951), sinh đượç 04 người con gõm ông Trầñ Bắ H, bà Trầñ Thĩ D, bà Trầñ Thĩ K và ông Trầñ Bắ Q (ông Q chết năm 2004). Từ năm 1975, em trai, em dầũ bà là Trầñ Bắ Q, Trầñ Thĩ L đầ sinh sõng õn đĩnh trẽn thừa đấđ, có công chấm sỏc, nuõi dưỡng cụ N và quảñ lý, sử dụng thừa đấđ. Khi mẹ bà cõn sõng có nõĩ bằng miệng là cho vợ chồng bà L toàñ bộ thừa đấđ. Bảñ thầñ ông H (anh cả) đầ đi thoấđ ly từ bẻ, khõng có công chấm sỏc mẹ lúc õm đầũ. Năm 1998, hộ ông Q đượç cấph giấũ chứng nhậñ quyeñ sử dụng đấđ, anh chị em khõng có ý kiếñ gì. Quấ trĩnh vợ chồng bà L xấ nhầ, ông H có biếđ nhũng khõng phảñ đõĩ. Bà xác đĩnh khõng có ngõi nhầ 03 gian gổ lim nhũ ông H khai mà chỉ có ngõi nhầ 01 gian hai trấĩ lợp dặ vấch đấđ của bỏ mẹ bà đẽ lặi nhũng do đầ dõt nấđ, khõng cõn giá trĩ sử dụng nẽn vợ chồng ông Q đầ dõ bỏ đẽ xấ nhầ mới. Do vậy, bà khõng nhấđ trĩ với yếu cầũ khởi kiệñ của ông Trầñ Bắ H.

- Bà Trầñ Thĩ K trĩnh bày: Năm 1975, bà L lấũ ông Q và sinh sõng õn đĩnh trẽn thừa đấđ, vợ chồng ông Q là người chấm sỏc, phụng dưỡng cụ Nuõĩ; ông H đi thoấđ ly từ nhỏ, khõng có trấch nhiệmb chấm sỏc, phụng dưỡng mẹ. Năm 1998, nhầ nước cấph giấũ chứng nhậñ quyeñ sử dụng đấđ cho hộ ông Q hoàñ toàñ đũng quy đĩnh, bảñ thầñ bà nhấđ trĩ với việç cấph giấũ chứng nhậñ quyeñ sử dụng đấđ cho ông Q, về ngõi nhầ gổ lim, bà K xác nhậñ là khõng có mà chỉ có ngõi nhầ 03 gian chấđ vấch lợp dặ. Nay ông H khởi kiệñ chia di sảñ thừa kế, đề nghị hũy giấũ chứng nhậñ quyeñ sử dụng đấđ và yếu cầũ bà L phảĩ hoàñ trắ ngõi nhầ 3 gian gổ lim cho ông H, bà K khõng nhấđ trĩ vì khi mẹ bà cõn sõng có nõĩ là cho vợ chồng bà L thừa đấđ của bỏ, mẹ.

- Chị N, chị H, anh Q, chị T, chị M: Nhấđ trĩ với quan điểm của bà L là bị đõn khõng nhấđ trĩ với yếu cầũ chia di sảñ thừa kế của ông H.

Tòañ áñ đầ tiẽn hầnh thắđ đĩnh tặi chỗ và đĩnh giá tài sảñ, xác đĩnh:

- Giá trị của toàn bộ thửa đất là 84.400.000 đồng.
- Giá trị tài sản, vật kiến trúc trên đất có tổng giá trị: 259.318.629 đồng;
- Giá trị cây cối trên đất là: 4.876.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 12-9-2018, Tòa án nhân dân tỉnh H đã căn cứ khoản 5 Điều 26, các điều 34, 37, 38, 147, 266, 273, 278 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các điều 611, 613, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự 2015; các điều 100, 166, 170, 175, 203 Luật đất đai 2013; Điều 32, 193 Luật tố tụng hành chính 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bá H (Trần Văn H) về các yêu cầu gồm: chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 156 diện tích 100m² ao, thửa đất số 161 diện tích 115m² đất vườn, thửa đất số 163 diện tích 525m² trong đó có 170m² đất ở, 355m² đất vườn thuộc tờ bản đồ 28 và thửa đất số 02 tờ bản đồ số 35 diện tích 60m² đất vườn tại thôn Nãi Văn, xã Vũ Bản, huyện Bình Lục, tỉnh H, buộc gia đình bà Trần Thị Liên thanh toán trả cho ông giá trị ngôi nhà gỗ lim 03 gian cùng một số tài sản khác có tổng trị giá 262.000.000 đồng và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 113262 do Ủy ban nhân dân huyện Bình Lục cấp cho hộ ông Trần Bá Q ngày 17-12-1998.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí thẩm định giá và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14-9-2018, ông Trần Bá H (Trần Văn H) có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất và buộc gia đình bà L bồi thường 262.000.000 đồng là giá trị ngôi nhà và một số tài sản khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn là ông Trần Bá H vẫn giữ yêu cầu kháng cáo đề nghị chia thừa kế là quyền sử dụng đất có nguồn gốc do bố mẹ ông để lại; và buộc gia đình bà L bồi thường 262.000.000 đồng là giá trị ngôi nhà gỗ lim và một số tài sản khác do ông đầu tư xây dựng, mua sắm.

- Bị đơn là bà Trần Thị L không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông H vì thửa đất gia đình đang sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp và cho rằng việc ông H yêu cầu bồi thường giá trị tài sản ngôi nhà bị phá bỏ là không có căn cứ, thực tế chỉ là ngôi nhà tranh, vách đất. Không phải là ngôi nhà ba gian gỗ lim như lời khai của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bá H là đúng; đề

ngiht giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng

Cụ Trần Bá Đ và cụ Trần Thị N (là bố mẹ ông H). Cụ Đ chết năm 1951, cụ N chết năm 1987 không để lại di chúc. Ông H cho rằng bố mẹ chết để lại tài sản thừa kế liên quan đến thửa đất hộ gia đình ông Trần Bá Q được cấp chứng nhận quyền sử dụng nên ngày 04-10-2017, ông H khởi kiện vụ án đề nghị chia di sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ gia đình ông Q. Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 5 Điều 26 và Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về kháng cáo liên quan đến yêu cầu chia thừa kế và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình ông Q.

Tại đơn khởi kiện, ông H đề nghị chia di sản thừa kế là các thửa đất, được Ủy ban nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0 113262 ngày 17-12-1998 cho hộ gia ông Trần Bá Q, bao gồm: thửa số 156 diện tích 100 m² ao, thửa số 161 diện tích 115 m² đất vườn; thửa số 163 diện tích 525 m² bao gồm: diện tích 170 m² đất ở, đất vườn là 355 m² và thửa số 2 diện tích 60 m² đất vườn. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với thửa đất 156, tờ bản đồ 28, diện tích 100 m² đất ao: Theo kết quả xác minh có căn cứ xác định thửa đất này có nguồn gốc trước năm 1986 thuộc quyền sử dụng của Ủy ban nhân dân xã; đến năm 1986 khi đo đạc hiện trạng thửa đất, gia đình ông Q, bà L đang sử dụng cùng với các hộ gia đình khác nên đã xem xét cấp cho gia đình ông Q sử dụng nên diện tích đất này không phải do cụ N, cụ Đ để lại để phân chia thừa kế theo yêu cầu của ông H.

- Đối với phần diện tích đất còn lại tại các thửa 161, 163 tờ bản đồ số 28 và thửa số 2 tờ bản đồ số 35; các đương sự đều thừa nhận có nguồn gốc là do bố mẹ ông Q, ông H để lại. Khi cụ N chết vào năm 1987, ông H đang sinh sống tại thành phố N, không có hộ khẩu tại địa phương; bà K, bà D (là em) đã lấy chồng và ở nơi khác, chỉ có vợ chồng ông Q (em út) là người sống cùng cụ N. Theo bản đồ địa chính xã Vũ Bản, thực tế từ năm 1986 (khi cụ N còn sống) các thửa đất này đã mang tên ông Trần Bá Q. Ngoài ra, Luật đất đai năm 1987 không quy định quyền sử dụng đất là tài sản để phân chia thừa kế. Khi người được giao đất chết, việc chuyển quyền sử dụng đất được giao cho thành viên trong hộ gia đình, nếu họ vẫn tiếp tục sử dụng đất đó. Sau khi cụ N chết gia đình ông Quang tiếp tục sử dụng nhà đất nêu trên. Ngày 20-02-1988, ông Q đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Lục cấp Giấy chứng nhận tạm thời sử dụng đất, diện tích 877 m²; đến năm 1990, ông Q phá nhà cũ do bố mẹ để lại trên diện tích đất nêu trên để xây dựng ngôi nhà mới. Ông H chứng kiến, biết rõ việc này, còn tham gia làm giúp và không có ý kiến gì.

Việc gia đình ông Q sử dụng đất là liên tục, ổn định, không vi phạm và không có tranh chấp, khiếu nại nên ngày 17-12-1998, Ủy ban nhân dân huyện Bình Lục đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất nêu trên cho gia đình ông Trần Bá Q là có căn cứ, phù hợp với quy định của luật đất đai năm 1993. Như vậy, toàn bộ đất đai có nguồn gốc do bố mẹ ông H để lại đã được chuyển giao cho gia đình ông Q quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật nên các thửa đất này không phải là di sản để phân chia thừa kế cho ông H.

[3]. Về kháng cáo yêu cầu bồi thường thiệt hại liên quan đến ngôi nhà 03 gian gỗ lim và các tài sản khác (giường, chiếu), tổng trị giá 262.000.000 đồng

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H xuất trình tài liệu, chứng cứ gồm 05 giấy xác nhận của các ông Trần Anh H, Trần Thế T, Trần Viết T, Trần Ngọc H và bà Trần Thị O có nội dung xác nhận việc ông có mang gỗ về làm nhà; tuy nhiên họ không nêu rõ số lượng bao nhiêu, loại gỗ gì, hình thể, kích thước (hiện nay chỉ ông H còn sống). Ông H xác định gia đình ông H có làm ngôi nhà gỗ 3 gian (loại gỗ gì ông không biết). Tại đơn đề ngày 01-8-2018, ông H lại khai là thuê ông Trần Ngọc H chở 16 cây luồng to, dài từ N về nhà (không phải vận chuyển gỗ lim). Ngoài ra, bà D, bà K (là em ruột) và ông Trần Viết D là trưởng thôn, hàng xóm, sinh sống liên tục tại địa bàn xác định không có ngôi nhà 03 gian gỗ lim như ông H khai; thực tế chỉ có ngôi nhà tranh trát vách; sau này ông Q phá để xây dựng nhà khác như hiện nay. Bà L xác định không có ngôi nhà gỗ lim do ông H xây dựng, năm 1991 vợ chồng bà phá ngôi nhà cũ nhà tranh, vách đất xây nhà mới, ông H biết và không có ý kiến gì. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa không đủ căn cứ xác định ông H có đầu tư xây dựng ngôi nhà gỗ lim 03 gian trên diện tích đất gia đình ông Q, bà L đang quản lý, sử dụng.

Ngoài ra, trong trường hợp ông H có đóng góp xây dựng ngôi nhà (bị phá vào năm 1991); khi phá bỏ ngôi nhà, ông H biết và không yêu cầu bồi thường. Theo quy định tại Điều 588 Bộ luật dân sự thì thời điểm ông H khởi kiện, thời hiệu khởi kiện đã hết; với các lý do nêu trên, việc yêu cầu bà L bồi thường 262.000.000 đồng là không có căn cứ.

[4]. Về án phí phúc thẩm: ông Trần Bá H sinh năm 1937 (là người cao tuổi). Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, thì ông H không phải nộp án phí.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Bá H và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 12-9-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Miễn án phí phúc thẩm cho ông Trần Bá H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- Cục THA dân sự tỉnh H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất N